

KẾT QUẢ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 48: THPT TRẦN VĂN GIÀU

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
13	823025	11A1	Đoàn Linh Anh	21	2	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
18	823030	11A1	Lê Duy Anh	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
20	823032	11A1	Lê Thị Quỳnh Anh	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	1
33	823045	11A1	Nguyễn Ngọc Vân Anh	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
35	823047	11A1	Nguyễn Nhật Anh	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	2
61	823073	11A1	Mai Thái Quốc Bảo	23	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	3
65	823077	11A1	Nguyễn Hoàng Bảo	2	5	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	3
73	823085	11A1	Mai Văn Bắc	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	3
101	823113	11A1	Huỳnh Thanh Duy	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	4
110	823122	11A1	Đoàn Thị Thùy Dương	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
130	823142	11A1	Phạm Duy Đạt	11	4	2002	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	5
137	823149	11A1	Phạm Tấn Định	13	12	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	5
138	823150	11A1	Trần Lê Thục Đoan	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	5
151	823163	11A1	Nguyễn Thị Minh Hà	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	6
157	823169	11A1	Trương Trường Hải	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
176	823188	11A1	Ngô Gia Hân	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	7
189	823201	11A1	Nguyễn Thị Thuý Hiền	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	7
220	823232	11A1	Lý Tuấn Huy	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	8
234	823246	11A1	Nguyễn Quốc Hưng	24	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
265	823277	11A1	Hồ Lê Đăng Khoa	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
279	823291	11A1	Trương Đức Khôi	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
296	823308	11A1	Nguyễn Kim Lâm	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	11
308	823320	11A1	Nguyễn Dương Ánh Linh	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	11
360	823372	11A1	Bùi Ngọc Mỹ	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	13
366	823378	11A1	Nguyễn Đình Nam	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
372	823384	11A1	Nguyễn Thị Tuyết Nga	29	8	2003	Sóc Trăng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	14
375	823387	11A1	Đỗ Nguyễn Kim Ngân	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	14
444	823456	11A1	Trần Nguyễn Hoàng Như	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	16
457	823469	11A1	Huỳnh Thanh Phong	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	17

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
460	823472	11A1	Đinh Tài	Phú	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	17
463	823475	11A1	Trần Thanh	Phú	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
472	823484	11A1	Lê Nguyễn Thiên	Phúc	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
474	823486	11A1	Nguyễn Đăng Trường	Phúc	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	17
477	823489	11A1	Trần Nguyễn Minh	Phúc	1	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	18
494	823506	11A1	Lưu Nguyễn Hồng	Phương	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	18
529	823541	11A1	Trần Lương Như	Quỳnh	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	19
538	823550	11A1	Lưu Tấn	Tài	19	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
555	823567	11A1	Trần Quốc	Thái	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	20
602	823614	11A1	Trương Thu	Thủy	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	22
611	823623	11A1	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	22
626	823638	11A1	Nguyễn Quỳnh	Thy	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
650	823662	11A1	Nguyễn Ngọc	Trâm	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
654	823666	11A1	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	24
683	823695	11A1	Lê Nguyễn Thành	Trung	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	25
686	823698	11A1	Đặng Anh	Tú	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	25
719	823731	11A1	Nguyễn Khánh Tường	Vân	9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
737	823749	11A1	Hồ Ngọc Tường	Vy	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	27
42	823054	11A10	Nguyễn Thụy Nhật	Anh	11	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
47	823059	11A10	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
60	823072	11A10	Đặng Gia	Bảo	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	3
85	823097	11A10	Văn Huỳnh	Chí	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	4
114	823126	11A10	Trần Lê Quý	Dương	15	12	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	5
131	823143	11A10	Trần Đình	Đạt	8	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	5
133	823145	11A10	Vũ Thành	Đạt	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	5
150	823162	11A10	Nguyễn Mai Ngọc	Hà	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	6
156	823168	11A10	Nguyễn Ngọc	Hải	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	6
171	823183	11A10	Hồ Ngọc	Hân	21	12	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	7
223	823235	11A10	Nguyễn Hữu Nhật	Huy	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	8
243	823255	11A10	Huỳnh Long Hoàng	Kha	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	9
245	823257	11A10	Trần Quang	Khải	13	3	2003	Bình Dương	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	9
266	823278	11A10	Huỳnh Giang Công	Khoa	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	10
284	823296	11A10	Đặng Tuấn	Kiệt	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
292	823304	11A10	Nguyễn Trần Ngọc	Lam	9	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	11
302	823314	11A10	Dương Tuyết	Linh	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	11

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
314	823326	11A10	Trần Hoàng Mai	Linh	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	12
321	823333	11A10	Nguyễn Hiếu	Long	18	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	12
332	823344	11A10	Nguyễn Hùng	Mạnh	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	12
337	823349	11A10	Huang Ngan	Minh	22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	13
343	823355	11A10	Trần Anh	Minh	11	11	2002	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
350	823362	11A10	Châu Nguyễn Ái	My	13	12	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	13
353	823365	11A10	Nguyễn Lê Trà	My	16	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
364	823376	11A10	Bùi Phương	Nam	11	9	2003	Hải Phòng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	13
367	823379	11A10	Nguyễn Hoàng	Nam	17	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	14
368	823380	11A10	Nguyễn Tiến	Nam	14	7	2003	Hưng Yên	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	14
385	823397	11A10	Phạm Lê Thanh	Ngân	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
387	823399	11A10	Trần Hoàng Tuyết	Ngân	23	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	14
423	823435	11A10	Nguyễn Đỗ Phương	Nhi	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	16
435	823447	11A10	Trần Thị Cẩm	Nhung	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	16
442	823454	11A10	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	16
504	823516	11A10	Nguyễn Trương Phúc	Quang	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	18
508	823520	11A10	Lê Minh	Quân	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	19
523	823535	11A10	Lê Bảo	Quỳnh	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
527	823539	11A10	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	16	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
532	823544	11A10	Nguyễn Bảo Trần	Sơn	1	1	2002	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	19
541	823553	11A10	Trần Anh	Tài	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	20
556	823568	11A10	Đặng Thiên	Thanh	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	20
565	823577	11A10	Phạm Tuấn	Thành	20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	21
583	823595	11A10	Huỳnh Quang	Thiện	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	21
599	823611	11A10	Trần Xuân	Thùy	15	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	22
620	823632	11A10	Vũ Ngọc Anh	Thư	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	23
664	823676	11A10	Trần Dương Minh	Trí	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
742	823754	11A10	Ngô Tường	Vy	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	27
749	823761	11A10	Trần Phạm Yến	Vy	23	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	27
753	823765	11A10	Lê Huỳnh Phương	Yến	12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	27
4	823016	11A11	Lê Ngọc Quý	An	20	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	1
5	823017	11A11	Lê Phước Thiên	An	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
28	823040	11A11	Nguyễn Hoàng	Anh	14	9	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	1
51	823063	11A11	Trần Thị Phương	Anh	4	1	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	2
69	823081	11A11	Trần Đình Quốc	Bảo	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	3

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
81	823093	11A11	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	3
115	823127	11A11	Trần Văn	Dương	19	5	2003	Hà Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	5
132	823144	11A11	Trần Quốc	Đạt	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	5
152	823164	11A11	Nguyễn Thị Như	Hà	7	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
172	823184	11A11	Huỳnh Thị Thủy	Hân	2	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	7
207	823219	11A11	Nguyễn Trần Công	Hoàng	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	8
215	823227	11A11	Huỳnh Nhật	Huy	30	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	8
278	823290	11A11	Phạm Hoàng	Khôi	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
300	823312	11A11	Chung Khánh	Linh	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	11
316	823328	11A11	Trần Nhật	Linh	16	6	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
328	823340	11A11	Hồ Thị Xuân	Mai	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	12
330	823342	11A11	Trần Nguyễn Trúc	Mai	5	6	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	12
342	823354	11A11	Nguyễn Quang	Minh	28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	13
348	823360	11A11	Vòng Hải	Minh	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	13
383	823395	11A11	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	6	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.2	Hổng	14
386	823398	11A11	Thái Ngọc Kim	Ngân	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
414	823426	11A11	Thiệu Minh	Nhân	11	4	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	15
419	823431	11A11	Lê Hồ Uyên	Nhi	26	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	15
424	823436	11A11	Nguyễn Lê Hoàng	Nhi	5	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	16
440	823452	11A11	Nguyễn Song Minh	Như	7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	16
446	823458	11A11	Đặng Minh	Nhựt	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
456	823468	11A11	Cao Thanh	Phong	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	17
461	823473	11A11	Nguyễn Đức	Phú	10	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	17
468	823480	11A11	Đỗ Hoàng	Phúc	25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	17
510	823522	11A11	Trần Minh	Quân	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	19
524	823536	11A11	Lê Như	Quỳnh	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	19
540	823552	11A11	Nguyễn Trí	Tài	3	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
545	823557	11A11	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	1	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	20
580	823592	11A11	Trần Hoàng	Thiên	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	21
582	823594	11A11	Đỗ Ngọc	Thiện	14	7	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	21
617	823629	11A11	Trần Hoàng Anh	Thư	18	5	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	23
637	823649	11A11	Lê Quý	Toàn	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	23
640	823652	11A11	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	23
649	823661	11A11	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
682	823694	11A11	Huỳnh Nhật	Trung	27	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	25

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
685	823697	11A11	Ngô Quang	Trường	17	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	25
695	823707	11A11	Nguyễn Đức	Tuấn	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	25
698	823710	11A11	Trần Anh	Tuấn	20	7	2003	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	25
709	823721	11A11	Đặng Đỗ Ngọc	Tỷ	15	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	26
725	823737	11A11	Đặng Xuân	Vinh	6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	26
727	823739	11A11	Đỗ Quốc	Vinh	27	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
757	823769	11A11	Trương Hồng	Yến	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	28
27	823039	11A12	Nguyễn Hà Việt	Anh	25	3	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
31	823043	11A12	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	2
68	823080	11A12	Phan Đỗ Ngọc	Bảo	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	3
70	823082	11A12	Trần Lê Anh	Bảo	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	3
93	823105	11A12	Cao Nguyễn Hạnh	Dung	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	4
95	823107	11A12	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
119	823131	11A12	Đỗ Thành	Đạt	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
126	823138	11A12	Nguyễn Phước	Đạt	30	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	5
155	823167	11A12	Lê Thái	Hải	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	6
179	823191	11A12	Nguyễn Lưu Gia	Hân	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	7
190	823202	11A12	Nguyễn Thu	Hiền	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	7
214	823226	11A12	Đoàn Đức	Huy	3	1	2003	Quảng Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	8
222	823234	11A12	Ngô Quang	Huy	19	12	2003	Đà Nẵng	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	8
267	823279	11A12	Lê Đắc Văn	Khoa	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10
269	823281	11A12	Nguyễn Đức	Khoa	18	2	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
318	823330	11A12	Vũ Thị Phương	Linh	5	11	2003	Cần Thơ	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
320	823332	11A12	Lê Thành	Long	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	12
325	823337	11A12	Trần Tấn	Lộc	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
349	823361	11A12	Vũ Hoàng	Minh	25	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	13
370	823382	11A12	Phan Lại Hoàng	Nam	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	14
379	823391	11A12	Lâm Thị Tuyết	Ngân	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	14
384	823396	11A12	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	14
404	823416	11A12	Lê Hoàng Thảo	Nguyên	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	15
410	823422	11A12	Hùynh Võ Bảo	Nhân	26	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	15
411	823423	11A12	Lê Trung	Nhân	9	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	15
450	823462	11A12	Lý Thanh	Phát	9	5	2003	Sóc Trăng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
455	823467	11A12	Nguyễn Huỳnh	Phi	21	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	17
475	823487	11A12	Nguyễn Hoàng	Phúc	6	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	17

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
476	823488	11A12	Nguyễn Minh Phúc		29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
488	823500	11A12	Vũ Hoàng Phước		23	11	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	18
544	823556	11A12	Nguyễn Hữu Tâm		9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	20
562	823574	11A12	Nguyễn Quốc Thành		13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	21
571	823583	11A12	Phạm Bùi Phương Thảo		11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
593	823605	11A12	Nguyễn Thị Ngọc Thuận		26	6	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	22
642	823654	11A12	Nguyễn Thị Trang		29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
645	823657	11A12	Phạm Thu Trang		31	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	24
646	823658	11A12	Trương Thị Thùy Trang		22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	24
673	823685	11A12	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	25
689	823701	11A12	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tú		16	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	25
699	823711	11A12	Phạm Minh Tuệ		22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	25
730	823742	11A12	Hà Võ Hoàng Vũ		30	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	27
734	823746	11A12	Huỳnh Thanh Vương		20	7	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	27
741	823753	11A12	Lê Ngọc Thanh Vy		4	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	27
746	823758	11A12	Nguyễn Thùy Yên Vy		16	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	27
751	823763	11A12	Trần Thị Ái Vy		19	9	2003	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	27
755	823767	11A12	Phạm Hoàng Hải Yên		31	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	27
3	823015	11A13	Hồ Thị Minh An		28	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	1
15	823027	11A13	Đỗ Thu Trâm Anh		21	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
22	823034	11A13	Lê Tuấn Anh		22	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
38	823050	11A13	Nguyễn Tấn Anh		15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
50	823062	11A13	Trần Nhật Anh		16	1	2003	Bình Dương	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	2
59	823071	11A13	Đào Huy Bách		16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	3
64	823076	11A13	Nguyễn Gia Bảo		7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	3
80	823092	11A13	Ngô Bảo Châu		13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	3
108	823120	11A13	Nguyễn Thị Hồng Duyên		7	8	2003	Hà Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
120	823132	11A13	Hà Thành Đạt		9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	5
134	823146	11A13	Đỗ Minh Đăng		8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	5
149	823161	11A13	Nguyễn Lê Nhật Hà		5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	6
158	823170	11A13	Nguyễn Thị Cơ Hàn		24	1	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	6
166	823178	11A13	Nguyễn Đình Hào		9	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	6
213	823225	11A13	Đoàn Chánh Khánh Huy		21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
219	823231	11A13	Lê Phước Huy		24	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	8
226	823238	11A13	Phạm Quang Huy		12	6	2003	Hải Phòng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
229	823241	11A13	Trương Đan Huy		9	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
246	823258	11A13	Giang Gia Khang		24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	9
259	823271	11A13	Vũ Khanh		11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	10
270	823282	11A13	Nguyễn Hiếu Anh	Khoa	5	5	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	10
276	823288	11A13	Nguyễn Ngọc Hà	Khôi	18	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	10
277	823289	11A13	Nguyễn Tuấn	Khôi	21	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	10
289	823301	11A13	Trần Lê Thiên	Kim	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
312	823324	11A13	Nguyễn Thùy	Linh	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	12
334	823346	11A13	Võ Thị Trà	Mi	18	6	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	12
341	823353	11A13	Nguyễn Anh	Minh	16	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	13
352	823364	11A13	Nguyễn Khánh	My	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	13
398	823410	11A13	Tô Thị Tuyết	Ngọc	30	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	15
458	823470	11A13	Lê Nam	Phong	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.4	Hổng	17
470	823482	11A13	Lê Hoàng	Phúc	5	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	2.8	Hổng	17
484	823496	11A13	Nguyễn Thị Y	Phụng	5	8	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	18
496	823508	11A13	Mai Thị	Phương	27	7	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	18
520	823532	11A13	Phan Ngọc Thảo	Quyên	24	6	2003	Khánh Hòa	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	19
551	823563	11A13	Nguyễn Minh	Tấn	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	20
554	823566	11A13	Trần Phạm Minh	Thái	15	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	20
560	823572	11A13	Lê Minh	Thành	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	20
570	823582	11A13	Lê Thị Phương	Thảo	10	11	2003	Phú Yên	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	21
574	823586	11A13	Nguyễn	Thắng	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	21
596	823608	11A13	Nguyễn Ngọc Thanh	Thúy	22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	22
601	823613	11A13	Hà Tri	Thùy	17	1	2003	Đắk Lắk	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	22
606	823618	11A13	Lương Ngọc Anh	Thư	23	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	22
641	823653	11A13	Nguyễn Đăng Thuý	Trang	19	7	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	23
648	823660	11A13	Lương Ngọc	Trâm	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
696	823708	11A13	Nguyễn Hoàng	Tuấn	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
704	823716	11A13	Lê Vũ Ánh	Tuyết	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	26
706	823718	11A13	Phan Ngọc	Tuyết	20	5	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	26
25	823037	11A14	Nguyễn Cao Châu	Anh	18	2	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
77	823089	11A14	Đặng Triệu Hoàng	Châu	10	7	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	3
96	823108	11A14	Lê Anh Tuấn	Dũng	16	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	4
98	823110	11A14	Nguyễn Minh	Dũng	15	7	2003	Hưng Yên	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	4
117	823129	11A14	Bùi Nguyễn Quốc	Đạt	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
162	823174	11A14	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	6
173	823185	11A14	Lý Gia	Hân	15	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	7
184	823196	11A14	Trần Nhã	Hân	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	7
201	823213	11A14	Nguyễn Thanh	Hoài	12	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	8
202	823214	11A14	Cao Lê	Hoàng	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	8
209	823221	11A14	Trần Huy	Hoàng	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	8
210	823222	11A14	Vũ Văn	Hoàng	16	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	8
218	823230	11A14	La Gia	Huy	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	8
231	823243	11A14	Vũ Quang	Huy	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	9
249	823261	11A14	Lê Minh	Khang	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9
286	823298	11A14	Nguyễn Tân	Kiệt	26	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	11
304	823316	11A14	Hoàng Trúc	Linh	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	11
306	823318	11A14	Lê Thùy	Linh	1	12	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
339	823351	11A14	Lê Phạm Hồng	Minh	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
346	823358	11A14	Trương Gia	Minh	11	1	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
373	823385	11A14	Phan Lê Thị Kiều	Nga	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	14
394	823406	11A14	Hoàng Kim Bảo	Ngọc	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	15
412	823424	11A14	Phạm Chí	Nhân	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
420	823432	11A14	Lê Huỳnh Yến	Nhi	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	15
421	823433	11A14	Lê Ngọc Lan	Nhi	23	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	16
439	823451	11A14	Nguyễn Quỳnh	Như	3	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
452	823464	11A14	Trần Nguyên	Phát	9	11	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	17
485	823497	11A14	Phạm Bình	Phước	30	11	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	18
499	823511	11A14	Trần Kim	Phương	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	18
506	823518	11A14	Trịnh Xuân	Quang	16	7	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
507	823519	11A14	Đoàn Minh	Quân	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	19
509	823521	11A14	Nguyễn Xuân	Quân	17	11	2003	Hà Tĩnh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	19
515	823527	11A14	Nguyễn Lê Tấn	Quốc	11	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
531	823543	11A14	Trịnh Minh	Sang	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	19
536	823548	11A14	Hoàng Đình	Tài	13	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
552	823564	11A14	Mai Thành	Tây	11	2	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	20
559	823571	11A14	Hoàng Minh	Thành	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	20
615	823627	11A14	Trần Anh	Thư	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
634	823646	11A14	Nguyễn Trọng	Tín	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
668	823680	11A14	Nguyễn Quang	Triết	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hổng	24

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
671	823683	11A14	Nguyễn Ngọc Tú	Trình	18	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	24
675	823687	11A14	Vương Thuỷ Bảo	Trình	9	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	25
676	823688	11A14	Phạm Đan Anh	Trinity	16	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	25
700	823712	11A14	Nguyễn Bá	Tùng	3	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	25
750	823762	11A14	Trần Thảo	Vy	12	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	27
10	823022	11A15	Bùi Hồng	Anh	5	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	1
19	823031	11A15	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	7	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
23	823035	11A15	Lương Thị Phương	Anh	23	2	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	1
43	823055	11A15	Nguyễn Thụy Phương	Anh	23	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	2
53	823065	11A15	Trương Võ Kim	Anh	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	2
82	823094	11A15	Nguyễn Thanh Hoàn	Châu	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	3
87	823099	11A15	Lê Hoàng	Chương	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	4
91	823103	11A15	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	10	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	4
135	823147	11A15	Nguyễn Nhật	Đặng	28	3	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	5
160	823172	11A15	Mai Nguyễn Hồng	Hạnh	7	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	6
174	823186	11A15	Mã Hoàng Gia	Hân	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	7
198	823210	11A15	Mạc Thị Như	Hoa	13	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	8
204	823216	11A15	Lâm Nguyễn Huy	Hoàng	15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	8
205	823217	11A15	Nguyễn Ánh Tuệ	Hoàng	26	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
212	823224	11A15	Vũ Minh	Hùng	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	8
261	823273	11A15	Hồ Nguyễn Kim	Khánh	2	9	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	10
309	823321	11A15	Nguyễn Dương Thùy	Linh	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	12
329	823341	11A15	Phạm Như	Mai	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	12
336	823348	11A15	Đinh Quang	Minh	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	12
369	823381	11A15	Nguyễn Văn	Nam	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hồng	14
401	823413	11A15	Dư Phúc	Nguyên	22	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	15
408	823420	11A15	Đặng Phúc Thanh	Nhân	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	15
409	823421	11A15	Bùi Đức	Nhân	15	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	15
418	823430	11A15	Đinh Ngọc Yến	Nhi	11	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	15
431	823443	11A15	Trương Thị Yến	Nhi	16	9	2003	Tây Ninh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
437	823449	11A15	Huỳnh Thị Mỹ	Như	27	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	16
443	823455	11A15	Phạm Tâm	Như	19	9	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	16
462	823474	11A15	Phan Hoàng	Phú	7	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	17
471	823483	11A15	Lê Hoàng Bảo	Phúc	22	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	17
481	823493	11A15	Trương Hồng	Phúc	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	18

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
483	823495	11A15	Nguyễn Thị Kim	Phụng	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	18
489	823501	11A15	Đào Thị Thu	Phương	13	4	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	18
492	823504	11A15	Huỳnh Trúc	Phương	20	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	18
503	823515	11A15	Nguyễn Hồ Đăng	Quang	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	18
505	823517	11A15	Trần Thiện	Quang	24	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	19
518	823530	11A15	Ngô Đại	Quý	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
543	823555	11A15	Trịnh Đức	Tài	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	20
553	823565	11A15	Nguyễn Xuân	Thái	5	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	20
563	823575	11A15	Nguyễn Quốc	Thành	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
592	823604	11A15	Nguyễn Minh	Thuận	8	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	22
597	823609	11A15	Dương Đỗ Phương	Thùy	21	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	22
603	823615	11A15	Vũ Thị Thanh	Thùy	2	1	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	22
607	823619	11A15	Lưu Nguyễn Anh	Thư	19	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	22
622	823634	11A15	Khâu Hoàng	Thương	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	23
629	823641	11A15	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	23	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	23
633	823645	11A15	Phạm Gia	Tiến	6	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
635	823647	11A15	Hô Fa	Tina	19	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	23
644	823656	11A15	Phạm Mai	Trang	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
655	823667	11A15	Lê Ngọc Bảo	Trân	21	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	24
663	823675	11A15	Trần Anh	Trí	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
705	823717	11A15	Nguyễn Minh	Tuyết	19	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	26
712	823724	11A15	Nguyễn Phương	Uyên	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	26
718	823730	11A15	Hồ Đức Thảo	Vân	24	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
736	823748	11A15	Dương Ngọc Bảo	Vy	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	27
740	823752	11A15	Lê Hoàng Tường	Vy	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	27
756	823768	11A15	Trần Thị Kim	Yến	12	5	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	27
6	823018	11A16	Ngô Hoàng	An	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	1
14	823026	11A16	Đỗ Minh	Anh	16	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	1
16	823028	11A16	Hoàng Minh	Anh	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	1
17	823029	11A16	Huỳnh Lê Trúc	Anh	11	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	1
21	823033	11A16	Lê Trúc	Anh	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	1
37	823049	11A16	Nguyễn Tâm	Anh	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
56	823068	11A16	Tô Đình Thiên	Ân	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
75	823087	11A16	Phạm Vũ Đức	Bình	13	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	3
107	823119	11A16	Đặng Thị Phước	Duyên	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	4

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi	
				Ngày	Thg	Năm							
109	823121	11A16	Trần Bá Hà	Duyên	24	1	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	4
116	823128	11A16	Nguyễn Thị Phương	Đào	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	5
141	823153	11A16	Quang Nguyễn Minh	Đức	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.6	Giỏi	6
161	823173	11A16	Nguyễn Hồ Hồng	Hạnh	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	6
170	823182	11A16	Võ Thị Thúy	Hằng	6	12	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	7
211	823223	11A16	Tất Phi	Hùng	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	8
225	823237	11A16	Phạm Quang	Huy	28	12	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	9
251	823263	11A16	Phạm Đăng	Khang	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	9
256	823268	11A16	Trần Minh	Khanh	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
260	823272	11A16	Hồ Minh	Khánh	29	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	10
281	823293	11A16	Nguyễn Thy	Khuê	14	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	11
287	823299	11A16	Thái Anh	Kiệt	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	11
288	823300	11A16	Trần Hoàng Thiên	Kim	11	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
301	823313	11A16	Dương Đào Ngọc	Linh	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	11
311	823323	11A16	Nguyễn Khánh	Linh	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
326	823338	11A16	Ngô Tấn	Lợi	7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	12
344	823356	11A16	Trần Lê Hoàng	Minh	11	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
381	823393	11A16	Lê Thanh	Ngân	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
438	823450	11A16	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	2	11	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	16
449	823461	11A16	Cao Thành	Phát	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	17
464	823476	11A16	Bùi Thị Hồng	Phúc	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
490	823502	11A16	Đặng Trần Nguyên	Phương	8	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	18
497	823509	11A16	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	13	10	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	18
498	823510	11A16	Quách Minh	Phương	10	12	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	18
517	823529	11A16	Nguyễn Ngọc Minh	Quy	15	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
528	823540	11A16	Tôn Quốc Ngân	Quỳnh	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
530	823542	11A16	Nguyễn Lê Ngọc	Sang	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	19
546	823558	11A16	Nguyễn Phạm Mỹ	Tâm	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	20
557	823569	11A16	Phan Nguyễn Phương	Thanh	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	20
572	823584	11A16	Phan Lê Phương	Thảo	4	11	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
589	823601	11A16	Nguyễn Văn	Thơ	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
595	823607	11A16	Trương Đình	Thuật	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
660	823672	11A16	Trần Phương	Trân	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	24
672	823684	11A16	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	13	10	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	24
677	823689	11A16	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	17	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	25

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
678	823690	11A16	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	6	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	25
687	823699	11A16	Hoàng Hữu	Tú	9	10	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	25
707	823719	11A16	Đinh Nguyễn Cát	Tường	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
724	823736	11A16	Nguyễn Huỳnh Quốc	Việt	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	26
743	823755	11A16	Nguyễn Đoàn Nhật	Vy	21	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	27
2	823014	11A2	Đặng Nguyễn Thu	An	9	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	1
45	823057	11A2	Nguyễn Võ Quỳnh	Anh	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	2
46	823058	11A2	Phạm Hiền Xuân	Anh	23	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
49	823061	11A2	Trần Ngọc Phương	Anh	18	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	2
58	823070	11A2	Nguyễn Hải	Âu	15	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	3
63	823075	11A2	Nguyễn Đình Quốc	Bảo	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	3
84	823096	11A2	Trần Thị Kim	Chi	26	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	3
86	823098	11A2	Hoàng Anh	Chín	8	2	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	4
106	823118	11A2	Phạm Lê Minh	Duy	26	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	4
128	823140	11A2	Nguyễn Thành	Đạt	11	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	5
145	823157	11A2	Lê Thanh	Giang	18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	6
177	823189	11A2	Nguyễn Hà Bảo	Hân	6	2	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	7
199	823211	11A2	Nguyễn Văn	Hòa	28	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	8
203	823215	11A2	Đoàn Huy	Hoàng	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	8
230	823242	11A2	Trương Vũ Quang	Huy	27	11	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	9
250	823262	11A2	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9
275	823287	11A2	Nguyễn Hoàng	Khôi	4	5	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	10
283	823295	11A2	Đào Anh	Kiệt	29	5	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
293	823305	11A2	Võ Nguyễn Mai	Lam	7	6	2003	Long An	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	11
305	823317	11A2	Lại Ngọc Thùy	Linh	12	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
324	823336	11A2	Trần Hoàng	Lộc	25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
333	823345	11A2	Đoàn Gia	Mẫn	1	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
338	823350	11A2	Lê Hồng	Minh	14	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	13
345	823357	11A2	Trương Gia	Minh	4	1	2001	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
358	823370	11A2	Võ Thanh Trà	My	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
374	823386	11A2	Đoàn Trần Hiếu	Ngân	31	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	14
392	823404	11A2	Nguyễn Khắc	Nghị	2	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	14
413	823425	11A2	Phạm Trọng	Nhân	15	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	15
426	823438	11A2	Nguyễn Thảo	Nhi	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	16
453	823465	11A2	Vương Thịnh	Phát	25	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	17

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
521	823533	11A2	Trần Mạnh Quyền	18	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	19
561	823573	11A2	Nguyễn Đức Thành	12	7	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	21
567	823579	11A2	Trịnh Nguyễn Việt Thành	3	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	21
576	823588	11A2	Thân Toàn Thắng	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	21
587	823599	11A2	Tổng Lại Minh Thoa	29	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	21
614	823626	11A2	Nguyễn Phan Anh Thư	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	22
652	823664	11A2	Trần Thị Ngọc Trâm	30	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	24
658	823670	11A2	Phạm Nguyễn Bảo Trân	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	24
662	823674	11A2	Lê Hữu Trí	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
680	823692	11A2	Trần Phan Thanh Trúc	25	10	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	25
681	823693	11A2	Dương Quốc Trung	3	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	25
684	823696	11A2	Đỗ Xuân Trường	29	9	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
688	823700	11A2	Lê Châu Thanh Tú	16	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
690	823702	11A2	Lương Minh Tú	14	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	25
694	823706	11A2	Lê Quang Tuấn	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	25
702	823714	11A2	Trần Trương Thanh Tùng	11	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	26
7	823019	11A3	Nguyễn Đình Thuận An	26	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	1
11	823023	11A3	Cao Lâm Tuấn Anh	18	1	2003	Gia Lai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
29	823041	11A3	Nguyễn Hùng Anh	25	9	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
32	823044	11A3	Nguyễn Ngọc Vân Anh	13	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	2
36	823048	11A3	Nguyễn Quỳnh Anh	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	2
40	823052	11A3	Nguyễn Thị Lan Anh	6	3	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	2
41	823053	11A3	Nguyễn Thúy Anh	24	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	2
67	823079	11A3	Nguyễn Trường Quốc Bảo	4	2	2003	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	3
78	823090	11A3	Lê Bảo Châu	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	3
79	823091	11A3	Lê Hồng Châu	13	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	3
90	823102	11A3	Đào Đông Diễm	9	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	4
100	823112	11A3	Huỳnh Anh Duy	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	4
103	823115	11A3	Nguyễn Hoàng Duy	18	12	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	4
105	823117	11A3	Nguyễn Khôi Duy	23	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	4
112	823124	11A3	Phan Đặng Quốc Dương	4	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	4
124	823136	11A3	Lê Ngọc Thành Đạt	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	5
139	823151	11A3	Cao Việt Đức	16	5	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	5
168	823180	11A3	Phan Thị Hằng	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	6
186	823198	11A3	Huỳnh Thanh Hậu	13	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	7

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
188	823200	11A3	Đặng Thị Thúy	Hiền	2	8	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	7
193	823205	11A3	Hồ Trung	Hiếu	14	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	7
200	823212	11A3	Phúc Nguyễn Đức	Hòa	23	2	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
232	823244	11A3	Huỳnh Thị Kim	Huyền	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	9
233	823245	11A3	Đinh Văn	Hung	12	12	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	9
235	823247	11A3	Nguyễn Quốc	Hung	8	3	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	9
268	823280	11A3	Mai Hoàng Đăng	Khoa	10	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	10
285	823297	11A3	Huỳnh Tuấn	Kiệt	10	3	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	11
298	823310	11A3	Vũ	Lâm	18	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	11
319	823331	11A3	Lê Phi	Long	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	12
356	823368	11A3	Phạm Thị Trà	My	31	7	2003	Hà Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
362	823374	11A3	Phạm Minh	Mỹ	29	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
390	823402	11A3	Nguyễn Thụy Phương	Nghi	20	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
399	823411	11A3	Trịnh Bảo	Ngọc	9	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
416	823428	11A3	Dương Ngọc Ánh	Nhi	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	15
432	823444	11A3	Trương Yên	Nhi	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	16
539	823551	11A3	Nguyễn Đình	Tài	21	7	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	20
566	823578	11A3	Trần Quốc Minh	Thành	18	2	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	21
581	823593	11A3	Trần Minh	Thiên	1	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	21
605	823617	11A3	Lê Anh	Thư	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	22
608	823620	11A3	Ngô Hồ Minh	Thư	14	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	22
625	823637	11A3	Nguyễn Hoàng Anh	Thy	7	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	23
632	823644	11A3	Nguyễn Nhật	Tiến	1	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	23
679	823691	11A3	Nguyễn Thanh	Trúc	4	1	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	25
691	823703	11A3	Tiết Minh	Tú	21	6	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	25
714	823726	11A3	Nguyễn Út Phương	Uyên	31	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	26
720	823732	11A3	Trần Tú	Vân	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
726	823738	11A3	Đinh Ngọc Thành	Vinh	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
12	823024	11A4	Đặng Lê Trâm	Anh	23	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
30	823042	11A4	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	10	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	2
34	823046	11A4	Nguyễn Nhật	Anh	6	4	2003	Kiên Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
44	823056	11A4	Nguyễn Trung Mai	Anh	16	9	2003	Vĩnh Phúc	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	2
55	823067	11A4	Kim Hoàng	Ân	9	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	2
83	823095	11A4	Lê Nguyễn Kim	Chi	26	6	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	3
92	823104	11A4	Mai Thị	Diệu	10	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	4

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
125	823137	11A4	Lê Tuấn Đạt	27	1	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	5
140	823152	11A4	Lê Đức	12	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	5
146	823158	11A4	Nguyễn Thị Trường Giang	13	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	3.0	Hồng	6
175	823187	11A4	Mai Ngọc Hân	5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	7
178	823190	11A4	Nguyễn Lê Bảo Hân	19	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	7
194	823206	11A4	Nguyễn Đăng Gia Hiếu	30	6	2003	Đà Nẵng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	7
216	823228	11A4	Huỳnh Nhật Huy	13	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	8
239	823251	11A4	Đinh Thị Hương	7	11	2002	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
255	823267	11A4	Nguyễn Vũ Mai Khanh	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	10
258	823270	11A4	Trương Công Khanh	5	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	10
273	823285	11A4	Văn Đức Khoa	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
322	823334	11A4	Nguyễn Tấn Long	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
331	823343	11A4	Nguyễn Đỗ Quốc Mạnh	21	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	12
365	823377	11A4	Đỗ Hoài Nam	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	14
382	823394	11A4	Nguyễn Huỳnh Thảo Ngân	25	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
395	823407	11A4	Lâm Bảo Ngọc	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	15
400	823412	11A4	Trương Mẫn Ngọc	11	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	15
403	823415	11A4	Huỳnh Thanh Nguyên	29	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	15
405	823417	11A4	Nguyễn Phương Thảo Nguyên	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
406	823418	11A4	Phan Nguyễn Quang Nguyên	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	15
415	823427	11A4	Nguyễn Minh Nhật	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	15
433	823445	11A4	Vũ Hồng Yến Nhi	29	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	16
441	823453	11A4	Nguyễn Thị Mộng Như	15	10	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	16
451	823463	11A4	Nguyễn Vũ Thịnh Phát	24	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	17
467	823479	11A4	Đỗ Bạch Vĩnh Phúc	12	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
473	823485	11A4	Lê Trần Nguyên Vũ Phúc	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	17
480	823492	11A4	Trương Hoàng Phúc	26	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	18
491	823503	11A4	Huỳnh Tấn Phương	24	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	18
516	823528	11A4	Văn Võ Chấn Quốc	12	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	19
548	823560	11A4	Nguyễn Thị Tâm	24	8	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	20
550	823562	11A4	Nguyễn Duy Tân	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	20
569	823581	11A4	Lê Thanh Thảo	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	21
598	823610	11A4	Nguyễn Thị Trúc Thùy	19	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	22
604	823616	11A4	Dương Minh Thư	8	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	22
621	823633	11A4	Vương Thị Anh Thư	2	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	23

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
623	823635	11A4	Phan Nguyễn Hoài	Thương	14	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	23
669	823681	11A4	Phan Nguyên Minh	Triết	5	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	24
670	823682	11A4	Lê Nguyễn Việt	Trinh	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	24
758	823770	11A4	Vũ Ngọc	Yến	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	28
24	823036	11A5	Ngô Tuấn	Anh	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	1
39	823051	11A5	Nguyễn Thế	Anh	23	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	2
52	823064	11A5	Trần Thùy	Anh	2	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	2
74	823086	11A5	Nông Thị Cẩm	Bình	10	7	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	3
88	823100	11A5	Trần Thị Thu	Cúc	28	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	4
97	823109	11A5	Lê Minh	Dũng	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	4
142	823154	11A5	Trần Võ Tấn	Đức	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hóng	6
143	823155	11A5	Đặng Nguyễn Hương	Giang	17	2	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	6
153	823165	11A5	Nguyễn Văn	Hà	3	3	2003	Hải Phòng	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
165	823177	11A5	Lê Trọng	Hào	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	6
169	823181	11A5	Trương Thuý	Hằng	23	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	7
181	823193	11A5	Phạm Nguyễn Gia	Hân	5	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	7
182	823194	11A5	Tăng Ngọc Bảo	Hân	3	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	7
187	823199	11A5	Lê Thanh	Hậu	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	9.2	Giỏi	7
206	823218	11A5	Nguyễn Huy	Hoàng	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
221	823233	11A5	Mai Đức	Huy	31	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
303	823315	11A5	Hoàng Kim Yến	Linh	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	11
323	823335	11A5	Nguyễn Thắng	Lộc	7	1	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
335	823347	11A5	Dương Đức	Minh	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	12
363	823375	11A5	Phạm Nguyễn Ngọc	Mỹ	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	13
380	823392	11A5	Lê Hoàng Thanh	Ngân	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	14
388	823400	11A5	Huỳnh Thoại	Nghi	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	14
389	823401	11A5	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	12	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	14
391	823403	11A5	Nguyễn Trần Hồng	Nghi	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	14
393	823405	11A5	Nguyễn Minh	Nghĩa	27	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.4	Hóng	15
402	823414	11A5	Hoàng Đình	Nguyên	1	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	15
417	823429	11A5	Đàm Quỳnh	Nhi	29	11	2003	Gia Lai	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	15
445	823457	11A5	Trần Thị Tuyết	Như	9	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	16
465	823477	11A5	Đặng Đỗ Minh	Phúc	19	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	17
486	823498	11A5	Phạm Quang	Phước	22	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	18
501	823513	11A5	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	22	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	18

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
514	823526	11A5	Lê Minh	Quốc	24	4	2003	Quy Nhơn	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	19
522	823534	11A5	Bảo Phước Trúc	Quỳnh	13	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
525	823537	11A5	Nguyễn Trần Văn	Quỳnh	8	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	19
534	823546	11A5	Nguyễn Khắc	Sơn	27	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	20
535	823547	11A5	Uông Ngọc	Sơn	25	3	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	20
586	823598	11A5	Nguyễn Chí	Thịnh	16	3	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	21
591	823603	11A5	Lê Ngọc	Thuận	25	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	22
613	823625	11A5	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	22
624	823636	11A5	Tạ Nguyễn Ngọc	Thương	3	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	23
627	823639	11A5	Trần Minh	Thy	16	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	23
651	823663	11A5	Nguyễn Thị Loan	Trâm	3	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	24
667	823679	11A5	Trần Minh	Trí	23	6	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	24
701	823713	11A5	Phạm Nguyễn Bách	Tùng	10	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	26
711	823723	11A5	Nguyễn Lê Gia	Uyên	21	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	26
722	823734	11A5	Hoàng Quốc	Việt	29	1	2003	Thừa Thiên Huế	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	26
732	823744	11A5	Nguyễn Hoàng	Vũ	3	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	27
8	823020	11A6	Phạm Ngọc Phương	An	19	9	2002	Quảng Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	1
26	823038	11A6	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Anh	3	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	1
48	823060	11A6	Trần Lê Mỹ	Anh	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	2
54	823066	11A6	Hoàng Nguyễn Minh	Ánh	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	2
57	823069	11A6	Võ Phương Hồng	Ân	12	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	3
66	823078	11A6	Nguyễn Quốc	Bảo	21	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	3
94	823106	11A6	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	4
99	823111	11A6	Trần Đình	Dũng	15	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	4
122	823134	11A6	Huỳnh Tô Vĩnh	Đạt	4	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	5
129	823141	11A6	Nguyễn Trần Hoàng	Đạt	22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	5
148	823160	11A6	Trần An	Giang	2	11	2003	Bắc Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	6
159	823171	11A6	Lê Hoàng Ngân	Hạnh	11	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	6
167	823179	11A6	Nguyễn Thanh	Hảo	30	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	6
217	823229	11A6	Huỳnh Trung	Huy	10	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	8
244	823256	11A6	Lữ Đình	Khải	25	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	9
252	823264	11A6	Phan Nhật Duy	Khang	4	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	9
253	823265	11A6	Trần Đức	Khang	12	10	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	10
262	823274	11A6	Lê Ngọc Bảo	Khánh	28	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	10
263	823275	11A6	Trần Hương	Khánh	2	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
272	823284	11A6	Nguyễn Kiêm	Khoa	20	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	10
291	823303	11A6	Hồ Thiên Trúc	Lam	27	9	2003	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	11
297	823309	11A6	Nguyễn Phương	Lâm	11	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	11
310	823322	11A6	Nguyễn Đức Ngọc	Linh	16	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	12
315	823327	11A6	Trần Nguyễn Ái	Linh	26	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	12
359	823371	11A6	Võ Thị Hồng	My	1	3	2003	Bạc Liêu	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	13
361	823373	11A6	Nguyễn Thành	Mỹ	8	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	13
371	823383	11A6	Trần Hoàng	Nam	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	14
377	823389	11A6	Huỳnh Thị Kim	Ngân	19	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	14
396	823408	11A6	Lưu Ánh	Ngọc	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	15
427	823439	11A6	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.2	Hồng	16
459	823471	11A6	Đinh Công	Phú	8	10	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	17
479	823491	11A6	Trần Trọng	Phúc	17	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	18
493	823505	11A6	Lai Ngọc Yến	Phương	22	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	18
512	823524	11A6	Võ Minh	Quân	1	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	19
542	823554	11A6	Trần Võ Tấn	Tài	18	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	20
547	823559	11A6	Nguyễn Thành	Tâm	30	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	20
558	823570	11A6	Đặng Xuân	Thành	10	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	20
568	823580	11A6	Vũ Nhật	Thành	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	21
585	823597	11A6	Huỳnh Tấn	Thịnh	21	2	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	21
618	823630	11A6	Trần Thị Minh	Thư	3	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	23
619	823631	11A6	Từ Thị Anh	Thư	24	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	23
628	823640	11A6	Nguyễn Bích	Tiên	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	23
631	823643	11A6	Đặng Phi	Tiến	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	23
638	823650	11A6	Đỗ Vi Vinh	Trà	14	7	2003	Trà Vinh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	23
643	823655	11A6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	23
716	823728	11A6	Đặng Hiếu	Văn	7	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	26
745	823757	11A6	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	5	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	27
1	823013	11A7	Nguyễn Văn	Ái	14	3	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	1
71	823083	11A7	Trần Minh	Bảo	1	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	3
72	823084	11A7	Vương Quốc	Bảo	25	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	3
104	823116	11A7	Nguyễn Hữu	Duy	4	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	4
113	823125	11A7	Phan Xuân Lạc	Dương	18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	5
118	823130	11A7	Đinh Tiến	Đạt	5	10	2003	Nam Định	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
144	823156	11A7	Huỳnh Lê Hương	Giang	18	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học			6

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
154	823166	11A7	Võ Nguyễn Ngọc Hà		28	10	2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	6
163	823175	11A7	Phạm Văn Hạnh		5	6	2003	Ninh Bình	Trần Văn Giàu	Tin học	4.2	Hồng	6
185	823197	11A7	Huỳnh Ngọc Thanh Hậu		6	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	7
196	823208	11A7	Trần Mai Đại Minh Hiếu		15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	7
208	823220	11A7	Trần Dương Minh Hoàng		12	5	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
224	823236	11A7	Nguyễn Quốc Huy		22	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	8
242	823254	11A7	Đào Tuấn Kha		22	8	2003	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	9
248	823260	11A7	Huỳnh Bảo Khang		15	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	9
254	823266	11A7	Đào Thy Khanh		25	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10
257	823269	11A7	Trần Ngọc Bảo Khanh		15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	10
282	823294	11A7	Lâm Trung Kiên		25	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	11
290	823302	11A7	Nguyễn Đỗ Cao Kỳ		26	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	11
313	823325	11A7	Phạm Quỳnh Trúc Linh		23	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	12
327	823339	11A7	Hồng Hoàng Luật		20	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	12
354	823366	11A7	Nguyễn Ngọc Trà My		8	12	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	13
376	823388	11A7	Huỳnh Kim Ngân		17	2	2033	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	14
378	823390	11A7	Huỳnh Thị Thảo Ngân		30	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	14
397	823409	11A7	Phạm Lê Bảo Ngọc		18	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	15
407	823419	11A7	Trần Huỳnh Thu Nguyệt		22	6	2003	Đà Nẵng	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	15
425	823437	11A7	Nguyễn Phước Yên Nhi		18	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	16
429	823441	11A7	Trần Thảo Nhi		21	11	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	16
430	823442	11A7	Trịnh Hoàng Yên Nhi		4	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	16
434	823446	11A7	Wòong Lê Tuyết Nhi		4	4	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	16
469	823481	11A7	Lâm Thiên Phúc		28	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	17
478	823490	11A7	Trần Thanh Phúc		28	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	18
502	823514	11A7	Dương Thanh Quang		5	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	18
513	823525	11A7	Võ Trần Minh Quân		25	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	19
573	823585	11A7	Lê Nguyễn Toàn Thắng		7	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	21
579	823591	11A7	Đặng Trí Đức Thiên		4	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.8	Khá	21
600	823612	11A7	Vương Nguyễn Minh Thùy		12	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	22
609	823621	11A7	Ngô Ngọc Anh Thư		25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	22
612	823624	11A7	Nguyễn Minh Thư		12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	22
630	823642	11A7	Trần Đình Thảo Tiên		23	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	23
636	823648	11A7	Huỳnh Đông Tính		20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	23
653	823665	11A7	Dương Bảo Trân		25	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	24

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
674	823686	11A7	Trần Nguyễn Trúc	Trinh	18	8	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	25
713	823725	11A7	Nguyễn Thị	Uyên	10	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	26
715	823727	11A7	Võ Trần Phương	Uyên	21	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	26
728	823740	11A7	Mai Thành	Vinh	11	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	26
731	823743	11A7	Huỳnh Phùng Thanh	Vũ	28	6	2000	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	27
754	823766	11A7	Phạm Hoàng	Yến	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	27
102	823114	11A8	Lương Hoàng Anh	Duy	14	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	4
123	823135	11A8	Lê Minh	Đạt	14	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	5
127	823139	11A8	Nguyễn Quốc	Đạt	22	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
136	823148	11A8	Văn Cấp	Đăng	20	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
147	823159	11A8	Nguyễn Văn	Giang	4	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	6
183	823195	11A8	Trần Ngọc	Hân	18	11	2003	Hàn Quốc	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	7
191	823203	11A8	Trịnh Thu	Hiền	6	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	7
192	823204	11A8	Dương Văn	Hiếu	3	4	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	7
195	823207	11A8	Nguyễn Trung	Hiếu	8	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	7
228	823240	11A8	Thái Quang	Huy	20	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	9
236	823248	11A8	Phan Gia	Hung	5	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	9
241	823253	11A8	Nguyễn Gia	Hy	15	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	9
247	823259	11A8	Hoàng Nguyễn Minh	Khang	21	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	9
274	823286	11A8	Vũ Huỳnh Đăng	Khoa	6	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	10
280	823292	11A8	Dương Thiên	Khôi	17	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	10
299	823311	11A8	Bùi Thị Kim	Liên	12	2	2002	Đồng Tháp	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	11
307	823319	11A8	Nghiêm Khánh	Linh	4	12	2003	Hà Nội	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	11
340	823352	11A8	Lương Ngọc	Minh	11	7	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	13
351	823363	11A8	Đặng Nguyễn Yến	My	15	9	2003	Bình Định	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	13
355	823367	11A8	Nguyễn Thị Trà	My	8	6	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
357	823369	11A8	Trương Hải	My	21	6	2002	Vĩnh Long	Trần Văn Giàu	Tin học	3.0	Hóng	13
422	823434	11A8	Ngô Nguyễn Quỳnh	Nhi	28	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	16
428	823440	11A8	Nguyễn Trương Yến	Nhi	27	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	16
447	823459	11A8	Nguyễn Hoàng Yến	Ni	16	12	2003	Quảng Nam	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	16
454	823466	11A8	Nguyễn Đặng Anh	Phi	10	6	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	17
482	823494	11A8	Vũ Hoàng	Phúc	21	3	2003	Bình Thuận	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	18
519	823531	11A8	Lê Phạm Huỳnh	Quyên	23	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	19
549	823561	11A8	Vũ Thị Thanh	Tâm	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	20
564	823576	11A8	Nguyễn Tấn	Thành	2	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	21

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
					Ngày	Thg	Năm						
575	823587	11A8	Nguyễn Nhựt	Thắng	20	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	21
584	823596	11A8	Huỳnh Tấn	Thiện	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hồng	21
594	823606	11A8	Thái Duy	Thuận	17	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	22
616	823628	11A8	Trần Anh	Thư	2	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	22
639	823651	11A8	Dương Vũ Đoan	Trang	3	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	23
661	823673	11A8	Vương Bảo	Trân	8	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	24
666	823678	11A8	Trần Minh	Trí	16	10	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
693	823705	11A8	Hoàng Lê Minh	Tuấn	25	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	25
703	823715	11A8	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	27	8	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	26
708	823720	11A8	Lê Vũ Các	Tường	8	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.2	Tbình	26
717	823729	11A8	Nguyễn Quốc	Văn	27	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
721	823733	11A8	Phan Trung	Vĩ	13	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	26
729	823741	11A8	Nguyễn Trọng	Vọng	16	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	27
733	823745	11A8	Nguyễn Hoàng Long	Vũ	6	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	27
735	823747	11A8	Bàng Thụy Thúy	Vy	11	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.4	Tbình	27
738	823750	11A8	Huỳnh Lê Uyên	Vy	6	7	2003	Khánh Hòa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	27
747	823759	11A8	Phan Phạm Phương	Vy	27	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	27
748	823760	11A8	Phan Thị Yến	Vy	15	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	27
9	823021	11A9	Vũ Thị Thúy	An	20	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	1
62	823074	11A9	Ngô Quốc	Bảo	13	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.2	Khá	3
76	823088	11A9	Tô Thị Thanh	Bình	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	3
89	823101	11A9	Đặng Hải	Cường	19	2	2003	Bến Tre	Trần Văn Giàu	Tin học	9.0	Giỏi	4
111	823123	11A9	Lê Nguyễn Thùy	Dương	6	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	4
121	823133	11A9	Hồ Thành	Đạt	17	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	5
164	823176	11A9	Lê Nhật	Hào	30	7	2003	Đồng Nai	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	6
180	823192	11A9	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	4	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.0	Khá	7
197	823209	11A9	Vũ Khắc Minh	Hiếu	21	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	8
227	823239	11A9	Phạm Quốc	Huy	24	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	9
237	823249	11A9	Thái Thành	Hưng	30	6	2003	An Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	9
238	823250	11A9	Dương Thị Quỳnh	Hương	16	9	2003	Quảng Ngãi	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	9
240	823252	11A9	Lê Thị Thanh	Hương	8	4	2003	Bình Phước	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	9
264	823276	11A9	Trần Nguyễn Kim	Khánh	7	5	2002	Tiền Giang	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	10
271	823283	11A9	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	22	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	10
294	823306	11A9	Cao Thụy Ngọc	Lan	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	11
295	823307	11A9	Huỳnh Bảo	Lâm	18	9	2003	Khánh Hòa	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	11

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
317	823329	11A9	Trần Thị Mỹ Linh	17	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	4.8	Hồng	12
347	823359	11A9	Trương Thế Minh Minh	17	1	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.8	Khá	13
436	823448	11A9	Đặng Quỳnh Như	13	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	16
448	823460	11A9	Bùi Tấn Phát	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	16
466	823478	11A9	Đặng Ngọc Phúc	19	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	17
487	823499	11A9	Trần Thiên Phước	15	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.6	Tbình	18
495	823507	11A9	Lưu Thanh Phương	28	6	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	18
500	823512	11A9	Lê Nguyễn Tuyết Phượng	20	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	18
511	823523	11A9	Trần Ngô Thiệu Quân	29	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	19
526	823538	11A9	Phạm Lê Như Quỳnh	25	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.4	Khá	19
533	823545	11A9	Nguyễn Chí Trung Sơn	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	20
537	823549	11A9	Hồ Trọng Tài	6	2	2003	Lâm Đồng	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	20
577	823589	11A9	Trần Nguyễn Ngọc Thắng	2	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.6	Khá	21
578	823590	11A9	Hồ Thị Trúc Thi	12	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
588	823600	11A9	Đoàn Đức Thông	4	3	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	21
590	823602	11A9	Trần Nguyễn Thơ Thơ	7	2	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	22
610	823622	11A9	Nguyễn Ánh Thư	16	4	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.8	Tbình	22
647	823659	11A9	Đinh Ngọc Quỳnh Trâm	3	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	24
656	823668	11A9	Lý Bội Trân	30	5	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.2	Tbình	24
657	823669	11A9	Nguyễn Thị Huyền Trân	12	11	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.4	Tbình	24
659	823671	11A9	Trần Ngọc Bảo Trân	4	11	2003	Trà Vinh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.4	Khá	24
665	823677	11A9	Trần Đức Trí	25	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.6	Tbình	24
692	823704	11A9	Trịnh Trần Anh Tú	6	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	8.2	Khá	25
697	823709	11A9	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	23	7	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	6.0	Tbình	25
710	823722	11A9	Lê Quỳnh Phương Uyên	30	9	2003	Nghệ An	Trần Văn Giàu	Tin học	7.0	Khá	26
723	823735	11A9	Lê Đình Quốc Việt	19	5	2003	Thanh Hóa	Trần Văn Giàu	Tin học	4.6	Hồng	26

Số TT	SBD	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại	Phòng thi
				Ngày	Thg	Năm						
739	823751	11A9	Huỳnh Thúy Vy	1	6	2003	Long An	Trần Văn Giàu	Tin học	5.0	Tbình	27
744	823756	11A9	Nguyễn Lê Hà Vy	1	12	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	5.8	Tbình	27
752	823764	11A9	Nguyễn Chan Như Ý	4	9	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Văn Giàu	Tin học	7.6	Khá	27

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

Tổng số thí sinh trong danh sách:	758
- Số thí sinh dự thi:	757
- Số thí sinh vắng:	1
- Số thí sinh hỏng:	18
- Số thí sinh đạt:	739
+ Xếp loại Giỏi:	15
+ Xếp loại Khá:	448
+ Xếp loại Tbình:	276

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Cao Minh Quý